



PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoa Quản trị kinh doanh

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ PHÂN TÍCH

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. KHÁI NIỆM VÀ NỘI DUNG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Khái niệm phân tích hoạt động kinh doanh

Theo nghĩa chung nhất là quá trình nghiên cứu tất cả các hiện tượng, các sự vật có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của con người. Quá trình phân tích được tiến hành từ bước khảo sát thực tế đến tư duy trừu tượng, tức là từ việc quan sát thực tế, thu thập thông tin số liệu, xử lý phân tích các thông tin số liệu, tìm nguyên nhân đến việc đề ra các định hướng hoạt động và các giải pháp thực hiện các định hướng đó.



2. Nội dung phân tích hoạt động kinh doanh

- Nội dung chủ yếu của phân tích hoạt động kinh

doanh là các chỉ tiêu kết quả kinh doanh như: doanh thu bán hàng, giá trị sản xuất, giá thành, lợi nhuận...



Khi phân tích cần hiểu rõ ranh giới giữa chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu tuyệt đối, tương đối, bình quân,...

- Đi sâu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh biểu hiện trên các chỉ tiêu đó.

- Nhân tố khách quan là nhân tố thường phát sinh và tác động như một nhu cầu tất yếu, không phụ thuộc vào chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh.
- Nhân tố chủ quan là nhân tố tác động đến đối tượng nghiên cứu như thế nào tùy thuộc vào nỗ lực chủ quan của chủ thể



- Nhân tố số lượng phản ánh quy mô kinh doanh như số lượng lao động, vật tư, lượng hàng hóa sản xuất, tiêu thụ,...
- Nhân tố chất lượng phản ánh hiệu suất kinh doanh như: giá thành, tỉ suất chi phí, năng suất lao động,...
- Nhân tố tích cực: tác động tốt, làm tăng độ lớn của hiệu quả kinh doanh
- Nhân tố tiêu cực: tác động xấu, làm giảm quy mô kết quả kinh doanh



3. Vai trò và yêu cầu của phân tích hoạt động kinh doanh

- Là một công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp.
- Đánh giá, xem xét việc thực hiện các chỉ tiêu phản ánh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Xem xét việc thực hiện các mục tiêu hoạt động kinh doanh, những tồn tại, nguyên nhân khách quan, chủ quan và đề ra biện pháp khắc phục nhằm tận dụng một cách triệt để thế mạnh của doanh nghiệp.



- Chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Giúp doanh nghiệp điều hành từng mặt hoạt động cụ thể với sự tham gia cụ thể của từng bộ phận chức năng của doanh nghiệp.
- Là công cụ quan trọng để liên kết mọi hoạt động của các bộ phận cho hoạt động chung của doanh nghiệp được nhịp nhàng và đạt hiệu quả cao.
- Giúp các nhà đầu tư quyết định hướng đầu tư và các dự án đầu tư

Yêu cầu

- *Tính đầy đủ*: phải tính toán tất cả các chỉ tiêu cần thiết thì mới đánh giá đúng đối tượng cần phân tích.
- *Tính chính xác*: Chất lượng của công tác phân tích phụ thuộc rất nhiều vào tính chính xác về nguồn số liệu khai thác; sự lựa chọn phương pháp phân tích, chỉ tiêu dùng để phân tích.
- *Tính kịp thời*: Sau mỗi chu kỳ HĐKD phải kịp thời tổ chức phân tích đánh giá tình hình hoạt động, kết quả và hiệu quả đạt được, để nắm bắt những mặt mạnh, những tồn tại trong HĐKD, thông qua đó đề xuất những giải pháp cho thời kỳ HĐKD tiếp theo có kết quả và hiệu quả cao hơn.



1 1.2 NHIỆM VỤ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ tiêu kinh tế
- Xác định các nhân tố ảnh hưởng của các chỉ tiêu và tìm các nguyên nhân gây nên ảnh hưởng của các nhân tố đó
- Đề xuất giải pháp nhằm khai thác triệt để tiềm năng và khắc phục những tồn tại của quá trình hoạt động kinh doanh
- Xây dựng phương án kinh doanh căn cứ vào mục tiêu đã định:



1.3 NHÂN TỐ TRONG PHÂN TÍCH

1. Khái niệm nhân tố

Nhân tố có nghĩa là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến kết quả nhất định cho hiện tượng và quá trình kinh tế.

Trong phân tích, nguyên nhân và kết quả không cố định bởi vì nghiên cứu một hiện tượng, một quá trình kinh doanh nào đó thì cái này có thể là nguyên nhân nhưng khi nghiên cứu một quá trình kinh doanh khác thì nguyên nhân đó lại trở thành kết quả. Có khi nguyên nhân và kết quả hợp với nhau làm cho nguyên nhân biểu hiện thành kết quả và ngược lại.

2. Phân loại nhân tố

a) *Theo nội dung kinh tế* bao gồm:

- Nhân tố thuộc điều kiện kinh doanh (lao động, vật tư, tiền vốn); các nhân tố này ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô kinh doanh.

- Nhân tố thuộc về kết quả kinh doanh, các nhân tố này thường ảnh hưởng dây chuyền từ khâu cung ứng đến sản xuất tiêu thụ từ đó ảnh hưởng đến tài chính.



b) Theo tính tất yếu của nhân tố bao gồm:

- Nhân tố chủ quan là những nhân tố tác động đến hoạt động kinh doanh tùy thuộc vào sự nỗ lực chủ quan của chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh.

- Nhân tố khách quan là những nhân tố phát sinh và tác động như một yêu cầu tất yếu ngoài sự chi phối của chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh (thuế, giá cả, lương binh quân).

c) Theo tính chất của nhân tố bao gồm:

- Nhân tố số lượng là những nhân tố phản ánh quy mô, điều kiện hoạt động kinh doanh, như số lượng lao động, vật tư, tiền vốn, sản lượng doanh thu..

- Nhân tố chất lượng là những nhân tố phản ánh hiệu suất hoạt động kinh doanh.

d) Theo xu hướng tác động của các nhân tố phân ra:

- Nhân tố tích cực là những nhân tố có tác động tốt hay làm tăng độ lớn của kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Nhân tố tiêu cực là những nhân tố có tác động xấu hay làm giảm quy mô của kết quả hoạt động kinh doanh.

1.4 QUY TRÌNH TIẾN HÀNH CÔNG TÁC PHÂN TÍCH

1. Lập kế hoạch phân tích
2. Thu thập, kiểm tra và xử lý số liệu
3. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp phân tích
4. Viết báo cáo phân tích và tổ chức hội nghị phân tích



1.5 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

1. Phương pháp so sánh đối chiếu

Nội dung của phương pháp là tiến hành so sánh đối chiếu các chỉ tiêu phản ánh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh; chỉ tiêu phản ánh điều kiện hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh).



Về số gốc để so sánh



khi xác định phụ thuộc vào mục đích cụ thể của phân tích.

Nếu như phân tích để nghiên cứu nhịp độ biến động tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu thì số gốc để so sánh là trị số của chỉ tiêu kỳ trước hoặc nếu nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ kinh doanh trong từng khoảng thời gian thường so sánh với cùng kỳ năm trước.

Về điều kiện so sánh



khi xác định sẽ khác nhau theo thời gian và không gian. Khi so sánh theo thời gian cần đảm bảo tính thống nhất về nội dung kinh tế của chỉ tiêu. Cũng cần đảm bảo tính thống nhất về phương pháp tính các chỉ tiêu. Khi so sánh cần lựa chọn hoặc tính lại các trị số chỉ tiêu theo phương pháp thống nhất. Cần đảm bảo tính thống nhất về đơn vị tính các chỉ tiêu cả về số lượng, thời gian và giá trị.

Về mục tiêu so sánh

Khi xác định cần phân biệt xác định mức độ biến động tuyệt đối hay mức độ biến động tương đối của chỉ tiêu phân tích.

- Mức độ biến động tuyệt đối, xác định bằng cách so sánh trị số của chỉ tiêu giữa 2 kỳ (kỳ phân tích và kỳ lấy làm gốc)
- Mức độ biến động tương đối là kết quả so sánh giữa kỳ phân tích với kỳ gốc đã được điều chỉnh theo hệ số của chỉ tiêu liên quan

2. Phương pháp loại trừ

a. Nguyên tắc: Nếu giữa các chỉ tiêu nhân tố với chỉ tiêu kết quả có mối quan hệ hàm số thuận

$$Z = x + y + v$$

có: $DZ_{(x)} = x_1 - x_0$

$$DZ_{(y)} = y_1 - y_0$$

$$DZ_{(v)} = v_1 - v_0$$

$$DZ = Z_1 - Z_0 = DZ_{(x)} + DZ_{(y)} + DZ_{(v)}$$

Nếu giữa các chỉ tiêu nhân tố với chỉ tiêu kết quả có mối liên hệ tích số:

$$Z = x y$$

Để xác định mức độ ảnh hưởng các nhân tố đến chỉ tiêu kết quả có 2 phương án.

Phương án 1: Xét ảnh hưởng của nhân tố x trước y sau:

$$DZ_{(x)} = x_1 y_0 - x_0 y_0 = Dx y_0$$

$$DZ_{(y)} = x_1 y_1 - x_1 y_0 = x_1 Dy$$

Phương án 2: Xét ảnh hưởng của nhân tố y trước x sau:

$$DZ_{(y)} = x_0 y_1 - x_0 y_0 = x_0 Dy$$

$$DZ_{(x)} = x_1 y_1 - x_0 y_1 = Dx y_1$$

Nếu chỉ tiêu kết quả bị ảnh hưởng bởi hai nhân tố, một trong số đó là nhân tố số lượng, một là nhân tố chất lượng thì đầu tiên đánh giá nhân tố số lượng, sau đó là nhân tố chất lượng.

Nếu chỉ tiêu kết quả bị ảnh hưởng bởi nhiều tố thì phải xác định thứ tự đánh giá bằng cách khai triển chỉ tiêu kết quả theo các nhân tố hoặc nhóm các nhân tố

.

Lưu ý:

- Nếu trong công thức mỗi liên quan các chỉ tiêu có một vài nhân tố số lượng thì trước hết đánh giá ảnh hưởng nhân tố biểu diễn điều kiện sản xuất, sau đó đánh giá ảnh hưởng nhân tố thay đổi cơ cấu và cuối cùng là các nhân tố chất lượng.
- Công thức trung gian dùng để triển khai nhân tố cần phải có ND kinh tế thực sự

3. Phương pháp thay thế liên hoàn

Phương pháp thay thế liên hoàn được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố cá biệt đến một hiện tượng, một quá trình hoạt động kinh doanh.

Để đánh giá (xác định) mức độ ảnh hưởng của bất kỳ một nhân tố nào đến chỉ tiêu kết quả (phân tích) cần phải tính 2 đại lượng giả định của chỉ tiêu phân tích đó (phép thế).

Trong phép thể thứ nhất nhân tố nào mà xem xét ảnh hưởng của nó thì lấy số liệu kỳ phân tích (thực hiện). Trong phép thể thứ hai lấy số liệu kỳ gốc (kế hoạch).

Mức độ của các nhân tố còn lại trong 2 phép thể phụ thuộc vào thứ tự đánh giá ảnh hưởng của chúng đến chỉ tiêu phân tích. Những nhân tố mà ảnh hưởng của chúng xác định trước nhân tố nghiên cứu thì lấy số liệu kỳ phân tích (thực hiện) . Còn các nhân tố mà ảnh hưởng của chúng xác định sau nhân tố nghiên cứu thì lấy số liệu kỳ gốc (kế hoạch).

Hiệu của phép thế thứ nhất với phép thế thứ hai là mức độ ảnh hưởng của nhân tố đến chỉ tiêu phân tích.

$$Z = x^{(1)} y^{(2)}$$

Để xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố thứ nhất x tính 2 phép thế

Phép thế 1

$$Z^I = x_1 y_0$$

Phép thế 2

$$Z^{II} = x_0 y_0$$

Ảnh hưởng của nhân tố x

$$DZ_{(x)} = Z^I - Z^{II} = x_1 y_0 - x_0 y_0$$

Để xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố thứ hai y đến chỉ tiêu phân tích Z ta cũng tính 2 phép thế

$$\text{Phép thế 1: } Z^{\text{III}} = x_1 y_1$$

$$\text{Phép thế 2: } Z^{\text{IV}} = x_1 y_0$$

Ảnh hưởng của nhân tố y

$$DZ_{(y)} = Z^{\text{III}} - Z^{\text{IV}} = x_1 y_1 - x_1 y_0$$

Nói chung, khi có hai nhân tố ảnh hưởng có 2 lần thay thế, có ba nhân tố thì có 3 lần thay thế.v.v... tổng quát có n nhân tố thì có n lần thay thế và phải tính (n-1) phép thế

4. Phương pháp số chênh lệch

Là một trong những phương pháp loại trừ và thường được sử dụng trong phân tích kinh doanh. Thông thường khi có hai nhân tố cá biệt ảnh hưởng đến một quá trình kinh doanh thì sử dụng phương pháp số chênh lệch vì nó đơn giản hơn phương pháp thay thế liên hoàn.



+ Có 2 nhân tố:

Z - Chỉ tiêu phân tích

x, y – Chỉ tiêu nhân tố

Z_0, Z_1 - Chỉ tiêu phân tích kỳ gốc và kỳ phân tích

x_0, y_0, x_1, y_1 - Chỉ tiêu nhân tố kỳ gốc và kỳ phân tích

$D_{(i)}$ - Chênh lệch của chỉ tiêu i

$$Z = x^{(1)} y^{(2)}$$

$$DZ = Z_1 - Z_0 = x_1 y_1 - x_0 y_0$$

Cùng thêm và bớt một đại lượng giả sử $x_1 y_0$

$$DZ = x_1 y_1 - x_0 y_0 + x_1 y_0 - x_1 y_0$$

$$= (x_1 - x_0) y_0 + x_1 (y_1 - y_0) = Dx y_0 - x_1 Dy$$

+ Có 3 nhân tố

$$Z = x^{(1)} y^{(2)} v^{(3)}$$

$$DZ = Z_1 - Z_0 = x_1 y_1 v_1 - x_0 y_0 v_0$$

Cùng thêm và bớt một đại lượng giả sử $x_1 y_0 v_0$

$$\begin{aligned} DZ &= x_1 y_1 v_1 - x_0 y_0 v_0 + x_1 y_0 v_0 - x_1 y_0 v_0 \\ &= (x_1 - x_0) y_0 v_0 + x_1 [(y_1 - y_0) v_0 + y_1 (v_1 - v_0)] \\ &= Dx y_0 v_0 - x_1 Dy v_0 + x_1 y_1 Dv \end{aligned}$$

Tổng quát:



- Có bao nhân tố thì có bấy nhiêu nhóm tích số
- Mỗi nhóm tích số có một số chênh lệch của một nhân tố nhất định
- Trước số chênh lệch của nhân tố là số kỳ phân tích, sau số chênh lệch là số kỳ gốc
- Tổng giá trị các tích số bằng giá trị số chênh lệch của chỉ tiêu phân tích

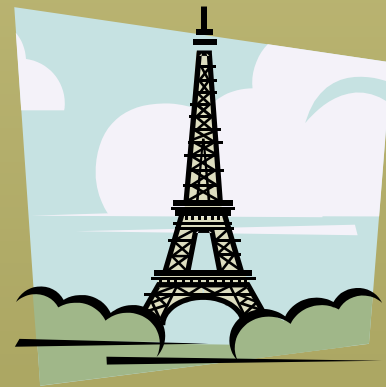
5. Phương pháp điều chỉnh

Muốn xác định mức độ ảnh hưởng của bất kỳ nhân tố nào đến chỉ tiêu phân tích cần tính hiệu của 2 phép thế. Để tính mỗi phép thế lấy đại lượng kỳ gốc chỉ tiêu phân tích nhân với hệ số điều chỉnh.

Hệ số điều chỉnh là tỷ số giữa số thực hiện (kỳ phân tích) với số kế hoạch (kỳ gốc) của nhân tố đó. Việc chọn nhân tố để xác định hệ số điều chỉnh phụ thuộc vào thứ tự đánh giá của nhân tố phân tích.



Nếu xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố thứ i thì phép thứ nhất hệ số điều chỉnh trong công thức phân tích tính cho i các nhân tố đầu, còn trong phép thứ hai cho $(i - 1)$ các nhân tố.



$$Z = x^{(1)} y^{(2)}$$

* Để xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố x (thứ tự thứ nhất) ta tính 2 phép thế.

Trong đó phép thứ nhất: $Z^I = Z_0 \cdot I_x$.

Phép thế thứ 2: $Z^{II} = Z_0$

$$\Delta Z_{(x)} = Z^I - Z^{II} = Z_0(I_x - 1)$$



* Để xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố y (thứ tự thứ hai) ta tính 2 phép thế.

Trong đó: Phép thế thứ nhất $Z^{III} = Z_0 \cdot I_x \cdot I_y = Z_0 \cdot IZ$ $Z^I = Z^I$,

Phép thế thứ 2: $Z^{IV} = Z_0 \cdot I_x$

6. Phương pháp hệ số tỷ lệ

Phương pháp này thường sử dụng khi chỉ tiêu tổng hợp là hàm của một chỉ tiêu tổng hợp trung gian đã có kết quả phân tích ảnh hưởng của nó tương ứng với từng chỉ tiêu nhân tố đã được biết:

$$Z = \frac{x^{(1)}}{x^{(2)}} \quad \text{trong đó } y = a + b + c$$



Để xác định ảnh hưởng của nhân tố a, b, c đến chỉ 1 tiêu tổng hợp Z ($Z_{(a)}$, $Z_{(b)}$, $Z_{(c)}$) Cần phải tiến hành các bước sau:

- Xác định hệ số tỷ lệ K tức là tỷ số sự thay đổi chỉ tiêu phân tích do ảnh hưởng chỉ tiêu tổng hợp y ($\Delta Z_{(y)}$) với sự thay đổi của chỉ tiêu y (Δy):

$$K = \frac{\Delta Z_{(y)}}{\Delta y}$$

Vì

$$Z = \frac{x}{y}$$

Do đó

$$\Delta Z_{(y)} = \left\{ \frac{1}{y_1} - \frac{1}{y_0} \right\} x_1$$



Xác định ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu tổng hợp trung gian

$$\Delta Z_{(a)} = \Delta y_{(a)} \cdot K$$

$$\Delta Z_{(b)} = \Delta y_{(b)} \cdot K$$

$$\Delta Z_{(c)} = \Delta y_{(c)} \cdot K$$



Phương pháp này có nhược điểm là không sử dụng được khi sự thay đổi của các nhân tố a, b và c theo các chiều hướng khác nhau và tác động của chúng đồng thời đến y bằng hoặc gần bằng 0. Để khắc phục nhược điểm đó biến đổi như sau:

$$\Delta Z_{(y)} = \left\{ \frac{1}{y_1} - \frac{1}{y_0} \right\} x_1 = \frac{x_1}{y_0} \left\{ \frac{y_0 - y_1}{y_1} \right\}$$

Đặt:

$$\frac{x_1}{y_0} = Z^*$$

Ta có

$$\Delta Z_{(y)} = Z^* \frac{-\Delta y}{y_1}$$



Khi đó ta có thể xác định ảnh hưởng của các nhân tố a, b, c, đến chỉ tiêu kết quả.

$$\Delta Z_{(a)} = Z^* \frac{-\Delta y_{(a)}}{y_1}$$

$$\Delta Z_{(b)} = Z^* \frac{-\Delta y_{(b)}}{y_1}$$

$$\Delta Z_{(c)} = Z^* \frac{-\Delta y_{(c)}}{y_1}$$



7. Phương pháp tương quan hồi quy

Phương pháp tương quan đơn

* Trường hợp tồn tại mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa chỉ tiêu nhân tố với chỉ tiêu phân tích

Đây là mối quan hệ theo một hướng xác định giữa chỉ tiêu nhân tố với chỉ tiêu phân tích. Trường hợp này sử dụng hàm hồi quy dạng $Y_x = a + b.x$

Trong đó: Y_x - Chỉ tiêu phân tích

x - Chỉ tiêu nhân tố

a, b – Các tham số



* Trường hợp tồn tại quan hệ nghịch giữa chỉ tiêu phân tích với chỉ tiêu nhân tố: Trong trường hợp này dùng hàm tương quan hồi quy dạng $Y_x = a + b/x$

Sau khi xác định được các tham số a, b đưa về công thức phân tích $Y_i = a + b/x_i$

Trong đó Y_i - chỉ tiêu phân tích

x_i - Chỉ tiêu nhân tố

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được biểu hiện bằng hệ thống chỉ tiêu (chỉ tiêu hiện vật và chỉ tiêu giá trị).

Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho doanh nghiệp có được các thông tin cần thiết để ra những quyết định điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý nhằm đạt được mục tiêu hoạt động kinh doanh.

2.1 PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh

a) *Phân tích tình hình thực hiện nhiệm vụ hoạt động kinh doanh*

Bằng phương pháp so sánh đối chiếu, tiến hành so sánh các chỉ tiêu kỳ phân tích với các chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh. Tùy theo mục đích yêu cầu có thể sử dụng các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh khác nhau.

Để thuận tiện, việc so sánh đối chiếu được thực hiện bằng

hình thức bảng



b) Phân tích quy mô kết quả hoạt động kinh doanh

Quy mô kết quả hoạt động kinh doanh cũng được đánh giá bằng phương pháp so sánh đối chiếu với các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh. Để thuận tiện, việc so sánh đối chiếu được thực hiện bằng hình thức bảng



c) Phân tích tốc độ tăng trưởng kết quả hoạt động kinh doanh

- *Tốc độ phát triển định gốc*: Là tốc độ phát triển tính theo một kỳ gốc ổn định, thường là thời kỳ đánh dấu sự ra đời hay bước ngoặt kinh doanh của doanh nghiệp gắn với chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Tốc độ phát triển liên hoàn*: Là tốc độ phát triển hàng năm (kỳ), kỳ này so với kỳ trước liền đó.



2. Phân tích sản lượng sản phẩm dịch vụ

- So sánh sản lượng sản phẩm dịch vụ thực tế thực hiện với sản lượng sản phẩm dịch vụ kế hoạch (kỳ trước) theo từng loại sản phẩm dịch vụ chủ yếu. Việc so sánh đối chiếu được tiến hành cả số tuyệt đối và số tương đối.

Với số tuyệt đối: $\Delta q_i = q_{i1} - q_{i0}$

Với số tương đối: $\frac{q_{i1}}{q_{i0}}$



Khi so sánh, nếu sản phẩm dịch vụ chủ yếu đạt hoặc vượt kế hoạch thì được đánh giá hoàn thành kế hoạch. Nếu có một loại sản phẩm dịch vụ chủ yếu nào đó không hoàn thành thì đơn vị, doanh nghiệp được đánh giá không hoàn thành kế hoạch, không được lấy sản phẩm dịch vụ hoàn thành kế hoạch để bù trừ.

Tùy theo đặc điểm, loại hình đơn vị, doanh nghiệp mà có những sản phẩm dịch vụ chủ yếu khác nhau.



- Tìm nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sản lượng sản phẩm dịch vụ thực hiện. Trong thực tế có thể có các nguyên nhân như công tác xây dựng kế hoạch; có thể do giá thay đổi (giá thay đổi làm cho nhu cầu thay đổi. Thông thường giá giảm thì nhu cầu tăng); do mở rộng quy mô kinh doanh (thể hiện về số lượng lao động, thiết bị mạng lưới, giá trị tài sản...); cũng có thể do sự cố gắng nỗ lực của doanh nghiệp, đơn vị...

Đề xuất các biện pháp nhằm điều chỉnh kế hoạch, tăng cường công tác quản lý kế hoạch.



3. Phân tích doanh thu hoạt động kinh doanh

a) Doanh thu hoạt động kinh doanh

* Doanh thu từ hoạt động kinh doanh: Là toàn bộ số tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng, dịch vụ sau khi trừ các khoản thuế thanh toán, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ) và được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền).



* Thu nhập từ các HĐ khác: là nguồn thu từ các HĐ bán vật tư, hàng hoá, tài sản đôi thừa; bán công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị, bị hư hỏng hoặc không cần sử dụng; các khoản phải trả nhưng không trả được vì nguyên nhân từ phía chủ nợ; thu chuyển nhượng, thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xoá nay thu hồi được; hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích vào chi phí của năm trước nhưng không sử dụng hết.

b) Phân tích doanh thu hoạt động kinh doanh

- * Phân tích chung về doanh thu: Sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu (so sánh trực tiếp và so sánh liên hệ)
 - So sánh trực tiếp (so sánh giản đơn) nhằm cho thấy mức độ thực hiện nhiệm vụ về doanh thu và tốc độ tăng trưởng.

$$\frac{D_{t1}}{D_{t0}} \times 100$$

- So sánh liên hệ: cho thấy mức độ thực hiện doanh thu có hợp lý và phù hợp với chi phí bỏ ra hay không.

$$\frac{D_{t1}}{D_{t0} \cdot I_c} \times 100$$



2.2 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ

1. Mục đích và chỉ tiêu phân tích

Mục đích chủ yếu của phân tích chất lượng sản phẩm dịch vụ là tìm nguyên nhân và đưa ra các biện pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Khi phân tích cần chú ý đặc thù của hoạt động kinh doanh, những đặc thù này ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dịch vụ.



2. Phân tích chất lượng sản phẩm dịch vụ theo chỉ tiêu hiện vật

Để tiến hành phân tích cần phải tính các chỉ tiêu:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sản phẩm dịch vụ} \\ \text{vi phạm chất lượng} \end{array} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm vi phạm chất lượng dịch vụ}}{\text{Tổng số sản phẩm dịch vụ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sản phẩm dịch vụ} \\ \text{Đảm bảo chất lượng} \end{array} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đảm bảo chất lượng dịch vụ}}{\text{Tổng số sản phẩm dịch vụ}}$$

Hai chỉ tiêu này phải tính cho từng loại sản phẩm dịch vụ và tính riêng cho từng tiêu chuẩn chất lượng (thời gian, độ chính xác, độ ổn định và an toàn). Dựa vào kết quả tính toán, tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, tìm nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Để phân tích, đánh giá có thể sử dụng :

- Sử dụng phương pháp chỉ số (bao gồm chỉ số định gốc và chỉ số liên hoàn) để phân tích chất lượng sản phẩm dịch vụ theo thời gian.
- Lập bảng phân tích biến động chất lượng sản phẩm dịch vụ theo thời gian.



CHƯƠNG 3

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT KINH DOANH

* Mức chênh lệch tuyệt đối

$$\Delta T = T_1 - T_{kh}$$

Trong đó:

T_1 , T_{kh} – Số lượng lao động kỳ phân tích và kỳ kế hoạch (người).

* Mức chênh lệch tuyệt đối

$$\Delta T = T_1 - T_{kh} \cdot I_{Dt}$$

Trong đó:

I_{Dt} – Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch doanh thu

$$I_{Dt} = \frac{D_{t1}}{D_{tkh}}$$

2. Phân tích sử dụng lao động theo kết cấu

Cơ sở để phân tích kết cấu lao động dựa vào phân loại lao động.

$$\gamma_j = \frac{T_j}{\sum_{i=1}^n T_j}$$

Trong đó: T_j – Số lao động loại j

γ_j – Tỷ trọng lao động loại j

ΣT_j – Tổng số lao động của đơn vị, doanh nghiệp

3. Phân tích sử dụng thời gian lao động

- Số ngày làm việc có hiệu quả:

$$H_{\text{ngày}} = H_{\text{cđộ}} - H_{\text{ngày vắng}} - H_{\text{ngày ngừng}}$$

$$H_{\text{cđộ}} = H_{\text{lich}} - H_{\text{nghỉ c.độ}}$$

$$H_{\text{lich}} = 365 - (\text{Thứ bảy} + \text{Chủ nhật} + \text{Quốc lễ})$$

- Số giờ làm việc có hiệu quả:

$$H_{\text{giờ}} = H_{\text{ngày}} t_{\text{giờ}} - H_{\text{giờ vắng}} - H_{\text{giờ ngừng}}$$

Trong đó:

$H_{\text{ngày}}$ - Số ngày làm việc có hiệu quả

$H_{\text{cđộ}}$ - Số ngày chế độ

$H_{\text{ngày vắng}}$ - Số ngày vắng mặt trọn ngày

$H_{\text{ngày ngừng}}$ - Số ngày ngừng việc trọn ngày

$H_{\text{giờ}}$ - Số giờ công có hiệu quả

$t_{\text{giờ}}$ - Thời gian làm việc một ngày

$H_{\text{giờ vắng}}$ - Số giờ vắng mặt không trọn ngày

$H_{\text{giờ ngừng}}$ - Số giờ ngừng việc không trọn ngày

- Năng suất lao động năm

$$W_{\text{năm}} = \frac{D_t}{T} = \frac{\Sigma q_i p_i}{T}$$

2. Phân tích biến động tài sản cố định

Phân tích biến động về quy mô TSCĐ

- Hệ số tăng TSCĐ:

$$\text{Hệ số tăng TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ tăng trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ có BQ trong kỳ}}$$

- Hệ số giảm TSCĐ

$$\text{Hệ số giảm TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ giảm trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ có BQ trong kỳ}}$$

- Hệ số đổi mới TSCĐ

Giá trị TSCĐ mới tăng
trong kỳ

$$\text{Hệ số đổi mới TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ mới tăng trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ có BQ trong kỳ}}$$

- Hệ số loại bỏ TSCĐ

Giá trị TSCĐ lạc hậu, cũ
giảm trong kỳ

$$\text{Hệ số loại bỏ TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ lạc hậu, cũ giảm trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ có BQ trong kỳ}}$$

3. Phân tích hiện trạng TSCĐ

Chỉ tiêu phân tích

$$\text{Hệ số hao mòn TSCĐ} = \frac{\text{Tổng mức khấu hao TSCĐ}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}}$$

4. Phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ

Chỉ tiêu phân tích:

$$H_{qTSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần (D}_t\text{)}}{\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ}}$$

$$D_t = \text{Nguyên giá bình quân TSCĐ} \times H_{q\text{TSCĐ}}$$

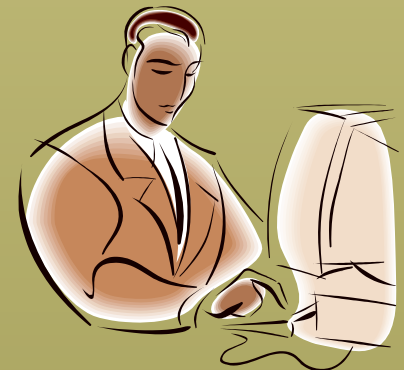
Sử dụng phương pháp loại trừ, có thể xác định mức độ ảnh hưởng của hiệu quả sử dụng TSCĐ đến doanh thu thuần:

$$\Delta D_{t((Hq\text{TSCĐ}))} = \text{Nguyên giá bình quân TSCĐ kỳ phân tích} \times \Delta H_{q\text{TSCĐ}}$$

3.2 Phân tích cung ứng vật tư cho hoạt động kinh doanh

Cung ứng vật tư theo số lượng:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% thực hiện} \\ \text{cung ứng về số lượng} \\ \text{vật tư loại i} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng vật tư loại i thực tế} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng vật tư loại i cần} \\ \text{mua theo kế hoạch trong kỳ} \end{array}}$$



Cách thông dụng nhất là tính lượng vật tư cần dùng theo số lượng sản phẩm dịch vụ sẽ sản xuất cung cấp trong kỳ và định mức tiêu hao vật tư tính cho một đơn vị.

$$M_i = q \cdot m_i$$

Trong đó:

M_i - Nhu cầu về số lượng loại vật tư i trong kỳ

q - Số sản phẩm dịch vụ sản xuất cung cấp trong trong kỳ

m_i - Định mức tiêu hao vật tư i cho một đơn vị sản phẩm dịch vụ.

CHƯƠNG 4

PHÂN TÍCH

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM DỊCH VỤ



4.1 PHÂN TÍCH CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ KINH DOANH VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM DỊCH VỤ

1. Phân tích khái quát

Đánh giá khái quát tình hình thực hiện chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm dịch vụ nhằm cung cấp những thông tin khái quát về tình hình chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm dịch vụ.



Để đánh giá chung, cần phải tính chỉ tiêu:

- Tỷ lệ thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh

$$= \frac{C1}{Ckh} \times 100 = \frac{\sum q_{i1} z_{i1}}{\sum q_{ikh} z_{ikh}}$$

Trong đó: $C1$, Ckh - Chi phí kinh doanh kỳ phân tích (thực hiện) và kỳ kế hoạch

q_{i1} , q_{ikh} – Sản lượng dịch vụ i kỳ thực hiện và kỳ kế hoạch

z_{i1} , z_{ikh} - Giá thành sản phẩm dịch vụ i kỳ thực hiện và kỳ kế hoạch

- Nếu tỷ lệ này nhỏ hơn 100% thì đơn vị, doanh nghiệp giảm chi phí kinh doanh so với kế hoạch. Khi đó chênh lệch chi phí ($C_1 - C_{kh}$) hoặc ($\sum q_{i1}z_{i1} - \sum q_{ikh}z_{ikh}$) mang dấu âm, phản ánh mức tiết kiệm chi phí kinh doanh.
- Nếu tỷ lệ này lớn hơn 100% thì đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chi phí kinh doanh lớn hơn kế hoạch đặt ra. Khi đó chênh lệch mang dấu dương, phản ánh vượt chi.



- Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm dịch vụ

$$= \frac{\sum q_{i1} z_{i1}}{\sum q_{ikh} z_{ikh}} \times 100$$

Nếu tỷ lệ này nhỏ hơn 100% thì đơn vị, doanh nghiệp giảm được giá thành thực tế so với kế hoạch đặt ra. Khi đó chênh lệch giá thành theo số tuyệt đối mang dấu âm, phản ánh mức chi phí tiết kiệm được nhờ giảm giá thành.

Nếu tỷ lệ này lớn hơn 100%, thì đơn vị, doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch giá thành sản phẩm dịch vụ. Khi đó chênh lệch giá thành theo số tuyệt đối mang dấu dương, phản ánh vượt chi.



- Mức và tỷ lệ giảm giá thành sản phẩm dịch vụ kỳ thực hiện

+ Mức giảm giá thành sản phẩm dịch vụ

$$M_{z1} = \sum q_{i1} (z_{i1} - z_{i0})$$

+ Tỷ lệ giảm giá thành sản phẩm dịch vụ

$$\%_{z1} = \frac{\sum q_{i1} (z_{i1} - z_{i0})}{\sum q_{i1} z_{i0}} \times 100$$



Mức và tỷ lệ giảm giá thành sản phẩm dịch vụ kỳ kế hoạch

+ Mức giảm giá thành sản phẩm dịch vụ

$$Mzkh = \sum qikh (zikh - zi0)$$

+ Tỷ lệ giảm giá thành sản phẩm dịch vụ

$$\%zkh = \frac{\sum qikh (zikh - zi0)}{\sum qikhzi0} \times 100$$



4.2 PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU CHI PHÍ TÍNH CHO 1000 ĐỒNG DOANH THU

Xác định như sau

$$F = \frac{\Sigma q_{izi}}{\Sigma q_{ipi}} \times 1000$$

Trong đó: Σq_{izi} - Chi phí kinh doanh

Σq_{ipi} - Doanh thu kinh doanh



Chỉ tiêu chi phí tính cho 1000 đồng doanh thu càng thấp chứng tỏ hiệu quả hoạt động kinh doanh càng lớn. Phân tích chỉ tiêu này được tiến hành bằng việc phân tích chung (sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu)

So sánh bằng số tuyệt đối: $\Delta F = F_1 - F_{kh}$

So sánh bằng số tương đối:

$$I_F = \frac{F_1}{F_{kh}} \cdot 100$$

Sau khi phân tích chung, tiến hành phân tích các nhân tố ảnh hưởng.



Để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này đến chỉ tiêu chi phí tính cho 1000 đồng doanh thu, cần sử dụng phương pháp loại trừ.

- Ảnh hưởng của nhân tố sản lượng và kết cấu sản lượng:

$$\Delta F(q, k/c) = \left(\frac{\sum q_i 1 z_{ikh}}{\sum q_i 1 p_{ikh}} - \frac{\sum q_{ikh} z_{ikh}}{\sum q_{ikh} p_{ikh}} \right) \times 1000$$



4.3 PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG GIÁ THÀNH THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1 Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản tiền lương và các khoản trích theo tỷ lệ tiền lương cho các loại quỹ BHXH, BHYT và kinh phí công đoàn. Khi phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau.

- Đánh giá chung
- + Mức biến động tuyệt đối

$$\Delta TL = TL1 - TL0$$

$$\text{Tỷ lệ \% thực hiện TL} = \frac{TL1}{TL0} \times 100$$



+ Mức biến động tương đối

$$\Delta TL = TL1 - TL0 IDt$$

$$\text{Tỷ lệ \% thực hiện TL} = \frac{\Delta TL}{TL1} \times 100$$



- Xác định ảnh hưởng của các nhân tố

+ Số lượng lao động:

$$\Delta TL_{(T)} = (T_1 - T_0) \times L_0$$

+ Mức lương bình quân

$$\Delta TL_{(L)} = T_1 (L_1 - L_0)$$



Mức lương bình quân chịu ảnh hưởng của các nhân tố như kết cấu lao động của từng bộ phận hoặc từng loại lao động trong bộ phận và mức lương bình quân của lao động từng bộ phận hoặc từng loại

Mối quan hệ đó có thể biểu diễn như sau

$$L = \sum \gamma_i L_i$$

Bằng các phương pháp loại trừ có thể xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến mức lương bình quân và chi phí tiền lương của đơn vị, doanh nghiệp



+ Nhân tố kết cấu lao động

$$\Delta L_{(\gamma_i)} = \Sigma \Delta \gamma_i L_{i0}$$

$$\Delta TL_{(\gamma_i)} = T_1 \Delta L_{(\gamma_i)} = T_1 \Sigma \Delta \gamma_i L_{i0}$$

+ Nhân tố mức lương bình quân của lao động loại i

$$\Delta L(L_i) = \Sigma \gamma_{i1} \Delta L_i$$

$$\Delta TL(L_i) = T_1 \Delta L(L_i) = T_1 \Sigma \gamma_{i1} \Delta L_i$$



CHƯƠNG 5:

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



5.1. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG VÀ TÀI LIỆU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Khái niệm phân tích tình hình tài chính

Phân tích tài chính là một tập hợp các khái niệm, phương pháp và công cụ cho phép thu nhập và xử lý các thông tin kế toán và các thông tin khác trong quản lý doanh nghiệp nhằm đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp, giúp cho các nhà quản lý đưa ra các quyết định tài chính và quyết định quản lý phù hợp.

5.2 PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Mục đích: cung cấp thông tin tình hình tài chính của đơn vị, doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan.

2. Nội dung phân tích khái quát tình hình tài chính

So sánh tổng số nguồn vốn giữa cuối kỳ với đầu năm.

Huy động và sử dụng vốn, khả năng tự bảo đảm về tài chính

Mức độ độc lập về mặt tài chính

Tính và so sánh chỉ tiêu “Hệ số tài trợ”

$$\text{Hệ số tài trợ} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số nguồn vốn}}$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời)} = \frac{\text{Tổng giá trị thuần về TSLĐ và ĐTNH}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng số vốn bằng tiền và ĐTTCTH}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Khả năng thanh toán của đơn vị, doanh nghiệp, “Hệ số khả năng thanh toán hiện hành”.

Chỉ tiêu này cho biết, với toàn bộ giá trị thuần của tài sản hiện có, đơn vị, doanh nghiệp có có bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ hay không.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tổng số tài sản hiện có}}{\text{Tổng số nợ phải trả}}$$

Hệ số nợ cũng là chỉ tiêu phản ánh khá rõ nét tình hình thanh toán.

$$\text{Hệ số nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Tổng số tài sản}} \\ \text{(hay tổng nguồn vốn) hiện có}$$

$$\text{Hệ số nợ trên nguồn vốn CSH} = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Tổng số nguồn vốn CSH}}$$

Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của TSLĐ và vốn luân chuyển thuần.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán của TSLĐ} = \frac{\text{Tổng số vốn bằng tiền và ĐTTCNH}}{\text{Tổng giá trị thuần TSLĐ và ĐTNH}}$$

Vốn hoạt động thuần

$$= \text{Nguồn tài trợ thường xuyên} - \text{Tài sản DH}$$

5.3 PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

1. Phân tích tình hình thanh toán

- Tỷ lệ các khoản nợ phải thu so với các khoản nợ phải trả (%):

$$\frac{\text{Tỷ lệ các khoản nợ phải thu}}{\text{so với các khoản phải trả}} = \frac{\text{Tổng số nợ phải thu}}{\text{Tổng số nợ phải trả}} \times 100$$

- Tỷ lệ các khoản nợ phải trả so với các khoản nợ phải thu (%):

$$\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ các khoản nợ} \\ \text{phải trả} \\ \text{so với các khoản nợ} \\ \text{phải thu} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Tổng số nợ} \\ \text{phải trả} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Tổng số nợ} \\ \text{phải thu} \end{array}} \times 100$$

- Số vòng luân chuyển các khoản phải thu (vòng)

$$\begin{array}{l} \text{Số vòng luân} \\ \text{chuyển} \\ \text{các khoản phải} \\ \text{thu} \end{array} = \frac{\text{Tổng số tiền hàng bán chịu}}{\text{Số dư bình quân các khoản} \\ \text{phải thu}} \times 100$$

$$\begin{array}{l} \text{Số dư bình quân} \\ \text{các khoản phải} \\ \text{thu} \end{array} = \frac{\text{Tổng số nợ phải thu đầu kỳ} \\ \text{và cuối kỳ}}{2} \times 100$$

- Thời gian quay vòng của các khoản phải thu:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian quay} \\ \text{vòng} \\ \text{của các khoản} \\ \text{phải thu} \end{array} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng luân chuyển các} \\ \text{khoản phải thu}} \times 100$$

- Số vòng luân chuyển các khoản phải trả (vòng):

$$\begin{array}{l} \text{Số vòng luân} \\ \text{chuyển} \\ \text{các khoản} \\ \text{phải trả} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền hàng} \\ \text{mua chịu} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số dư bình quân các khoản} \\ \text{phải trả} \end{array}} \times 100$$

$$\begin{array}{l} \text{Số dư bình quân} \\ \text{các khoản} \\ \text{phải trả} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số nợ phải trả đầu kỳ và} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}}{2} \times 100$$

- Thời gian quay vòng của các khoản phải trả:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian quay} \\ \text{vòng của các} \\ \text{khoản phải trả} \end{array} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng luân chuyển các}} \times 100$$

khoản phải trả

CHƯƠNG 6

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

1. Chỉ tiêu tổng

- Tính theo dạng hiệu số

Hiệu quả kinh doanh = Kết quả đầu ra - Chi phí đầu vào

Cách tính theo dạng phân số:

$$\text{Hiệu quả kinh doanh} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}}$$

2. Chỉ tiêu chi tiết

a. Sức sản xuất các yếu tố cơ bản

$$\text{Sức sản xuất các yếu tố cơ bản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Các yếu tố cơ bản}}$$

b. Suất hao phí các yếu tố cơ bản

$$\text{Suất hao phí các yếu tố cơ bản} = \frac{\text{Các yếu tố cơ bản}}{\text{Doanh thu}}$$

c. Sức sản xuất các yếu tố cơ bản mới tăng thêm.

$$\text{Sức sản xuất các yếu tố cơ bản mới tăng thêm} = \frac{\text{Doanh thu tăng thêm}}{\text{Các yếu tố cơ bản mới tăng thêm}}$$

d. Suất hao phí các yếu tố cơ bản mới tăng thêm

$$\text{Suất hao phí các yếu tố cơ bản mới tăng thêm} = \frac{\text{Các yếu tố cơ bản mới tăng thêm}}{\text{Doanh thu tăng thêm}}$$

e. Sức sinh lợi các yếu tố cơ bản.

$$\text{Sức sinh lợi các yếu tố cơ bản} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Các yếu tố cơ bản}}$$

g. Sức sinh lợi của các yếu tố cơ bản mới tăng thêm

$$\text{Sức sinh lợi các yếu tố cơ bản tăng thêm} = \frac{\text{Lợi nhuận tăng thêm}}{\text{Các yếu tố cơ bản tăng thêm}}$$

1. Phân tích tình hình lãi suất chung

Lãi suất chung của doanh nghiệp có thể tính bằng hai cách: Một là, tỷ suất lợi nhuận tính trên doanh thu kinh doanh, được xác định bằng công thức:

Tỷ suất	=	Lợi nhuận	x	1000
lợi nhuận		Doanh thu		

Hai là, tỷ suất lợi nhuận được tính là tỷ lệ giữa lợi nhuận và giá trị tài sản thực có của doanh nghiệp bằng công thức:

Tỷ suất lợi	=	Lợi nhuận	x	100
nhuận trên vốn		Tổng vốn SX		

=	Lợi nhuận		x	100
	Giá trị TSCĐ BQ + Giá trị TSLĐ BQ			

2. Phân tích tình hình lãi suất sản xuất

Chỉ tiêu lãi suất sản xuất được xác định bằng cách so sánh lợi nhuận với giá thành sản phẩm dịch vụ. Công thức xác định:

Tỷ suất lợi nhuận	=	Lợi nhuận	x	100
giá thành (hay)		Giá thành SX		
lãi suất sản xuất				

3. Phân tích lãi suất của sản phẩm sản xuất

$$P_{sp} = \frac{p - Z}{Z} \times 100$$

Trong đó:

P_{sp} - Tỷ suất lợi nhuận của sản phẩm sản xuất ;

p - Giá bán của sản phẩm ;

Z - Giá thành sản xuất hoặc giá thành toàn bộ của sản phẩm.

Khi phân tích có thể so sánh sự chênh lệch giữa giá thực tế và kế hoạch. Nếu giá cả thực tế cao hơn kế hoạch (không phải do điều chỉnh) thì đó có thể do doanh nghiệp đã cố gắng cải tiến chất lượng sản phẩm mà có được lợi nhuận tăng thêm và ngược lại.